

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2019/DSST

Ngày: 10/5/2019

“V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Chinh.

2/ Ông Nguyễn Thanh Phong.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Mậu Tuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Bà Giản Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 10/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 191/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-DS ngày 03/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/QĐST-DS ngày 23/4/2019 giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị T. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đ.

- ***Bị đơn:*** Ông Đinh Xuân P và bà Cao Thị T. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã E, huyện K, tỉnh Đ.

- ***Người làm chứng:***

1/ Anh Đinh Tuấn V.

Địa chỉ: Thôn X, xã E, huyện K, tỉnh Đ. (Vắng mặt).

2/ Ông Lê Văn T.

Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đ. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2018, đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 16/01/2019, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 28/3/2019, bản tự khai và các biên bản hoà giải tại tòa cùng các tài liệu chứng cứ khác do các bên đương sự cung cấp thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và ông Đinh Xuân P, bà Cao Thị T có mua bán thức ăn gia súc trong khoảng thời gian năm 2016, 2017, 2018 theo hình thức giao hàng trước,

sau khi bán gia súc sẽ thanh toán tiền sau. Tính đến ngày 08/5/2018, vợ chồng ông P còn nợ bà T số tiền 66.410.000 đồng. Đến ngày 26/5/2018 ông P, bà T có trả được 35.000.000 đồng, số nợ còn lại là 31.410.000 đồng. Chiều ngày 26/5/2018 ông P, bà T mua thêm 03 bao cám loại 1422, 02 bao cám loại 1052, tổng số tiền là 1.210.000 đồng (do anh Đinh Tuấn V, con trai ông P nhận hàng) và ngày 13/6/2018 ông P, bà T tiếp tục mua thêm 05 bao cám loại 1032, 05 bao cám loại 1442, số tiền là 2.590.000 đồng. Do đó tổng số tiền mua hàng tính đến ngày 13/6/2018 ông P, bà T còn nợ bà T là 35.210.000 đồng.

Việc mua bán đều lập thành văn bản, khi bà T giao hàng, ông P, bà T hoặc con trai (anh V) kiểm tra đủ số lượng, chủng loại và giá tiền thì sẽ ký nhận. Hai bên thỏa thuận khi nào ông P, bà T bán gia súc sẽ thanh toán hết nợ nhưng đến nay ông P, bà T vẫn không trả số nợ còn lại là 35.210.000 đồng cho bà nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu ông P, bà T, anh V có nghĩa vụ trả số nợ 35.210.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại Tòa, bà T xác định yêu cầu ông P, bà T có nghĩa vụ trả số nợ 33.385.000 đồng cho bà T, đồng ý rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.825.000 đồng.

Bị đơn ông Đinh Xuân P, bà Cao Thị T tại phiên tòa hôm nay vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông P, bà T trình bày:

Công nhận vợ chồng ông có nhận đầu tư thức ăn gia súc của bà Nguyễn Thị T từ năm 2016, 2017, 2018. Việc nhận đầu tư giữa hai bên theo hình thức: bà T giao hàng tại, sau khi kiểm đủ số lượng, chủng loại và giá tiền thì vợ chồng ông, bà sẽ ký nhận, sau khi bán gia súc sẽ thanh toán số tiền do bà T.

Đến ngày 08/5/2018, sau khi hai bên chốt sổ thì vợ chồng ông P còn nợ bà T số tiền 66.410.000 đồng. Đến ngày 26/5/2018 thì vợ chồng ông P mua thêm 03 bao cám loại 1422; 02 bao cám loại 1052, tổng số tiền là 1.210.000 đồng nhưng bà T hẹn đến chiều mới giao hàng, do đó khi trả số tiền 35.000.000 đồng cho ông Lê Văn T (chồng bà T) thì ông P và ông T đã thỏa thuận cộng luôn số tiền 1.210.000 đồng vào số tiền 35.000.000 đồng. Đến chiều khi bà T giao 03 bao cám loại 1422; 02 bao cám loại 1052, thì con trai (Đinh Tuấn V nhận thay), không biết nên đã ký nhận thêm 01 lần nữa. Ngày 13/6/2018 vợ chồng ông P mua thêm 05 bao cám loại 1032, 05 bao cám loại 1442, tổng số tiền là 2.590.000 đồng. Tổng số tiền ông, bà còn nợ bà Ty là 32.175.000 đồng vì số tiền 1.210.000 đồng trong chứng từ mua bán ngày 26/5/2018 đã được ông, bà cộng vào số tiền 35.000.000 đồng khi ông, bà trả cho ông T.

Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông phải trả số tiền 33.385.000 đồng thì vợ chồng ông không đồng ý và yêu cầu bà T trừ số tiền 1.210.000 đồng trong chứng từ mua bán ngày 26/5/2018, số tiền còn lại là 32.175.000 đồng, vợ chồng ông hẹn khi nào có tiền sẽ thanh toán.

Người làm chứng ông Lê Văn T tại phiên tòa hôm nay vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông T trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị T. Ông xác nhận ngày 26/5/2018 ông P có giao cho ông số tiền 35.000.000 đồng, còn nợ lại 31.410.000 đồng. Khi giao tiền thì giữa hai bên không có thỏa thuận nào khác. Sau khi nhận tiền, ký sổ và ra về

thì ông không biết đến việc làm ăn giao dịch nào giữa vợ chồng ông P và bà T.

Nay bà T khởi kiện vợ chồng ông P để đòi số nợ 35.210.000 đồng thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên.

Người làm chứng anh Đinh Tuấn V vắng mặt tại phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh V đều vắng mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ của vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết đã thực hiện đầy đủ và đúng các trình tự theo quy định pháp luật; xác định đầy đủ, đúng tư cách những người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ, nghiêm túc theo đúng trình tự mà Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung vụ án: Xét thấy nội dung khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt. Tuy nhiên bị đơn, người làm chứng vắng mặt lần thứ hai không có lý do do đó căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người làm chứng.

[2] Về việc xác định tư cách đương sự trong vụ án: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án xác định anh Đinh Tuấn V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy anh V là người có biết về nội dung vụ án chứ không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì nên Hội đồng xét xử xác định anh V là người làm chứng.

[3] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Về yêu cầu của các đương sự:

[4.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về nội dung tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2018, đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông Đinh Xuân P, bà Cao Thị T thanh toán cho bà số tiền 33.385.000 đồng sau rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.825.000 đồng. Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các bên đương sự thì thấy rằng: Chủ thể giao kết hợp đồng là bà Nguyễn Thị T (bên bán) và ông Đinh Xuân P, bà Cao Thị T (bên mua) đều là những cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi để giao kết hợp đồng. Khi ký kết hợp đồng, các bên đều hoàn toàn tự nguyện.

Hợp đồng mua bán tài sản (thức ăn gia súc) giữa các bên thông qua hình thức giao hàng trước nhận tiền sau. Cụ thể: Trong khoảng thời gian năm 2016,

2017, 2018 bà T có bán thức ăn gia súc cho vợ chồng ông Đinh Xuân P, bà Cao Thị T, sau mỗi lần bán gia súc, ông P, bà T sẽ thanh toán tiền hàng cho bà T. Tính đến ngày 26/5/2018 ông P, bà T còn nợ lại là 31.410.000 đồng. Sau đó trong ngày 26/5/2018 và ngày 13/6/2018 ông P, bà T tiếp tục mua thêm số lượng thức ăn gia súc, tổng số tiền của 02 lần mua là 3.800.000 đồng. Số tiền nợ tính đến ngày 13/6/2018 là 35.210.000 đồng.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, bà T đã rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.825.000 đồng trong chứng từ mua bán ngày 03/02/2018, số tiền nợ còn lại bà T yêu cầu vợ chồng ông P phải có nghĩa vụ trả là 33.385.000 đồng.

Như vậy, khi mua bán tài sản giữa các bên có thỏa thuận với nhau thời gian cụ thể ông P, bà T phải thanh toán tiền cho bà T. Đến nay mặc dù bà T đã nhắc nhở nhiều lần nhưng phía vợ chồng ông P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ mua bán tài sản cho bà T. Như vậy, ông P, bà T đã vi phạm về nghĩa vụ thanh toán tiền mua tài sản đối với bà T theo quy định tại khoản 3 Điều 434, khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự.

[4.2] Đối với lời khai nại của ông Đinh Xuân P, bà Cao Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng ông P không thừa nhận có mua bán thức ăn gia súc với bà T mà là nhận đầu tư thức ăn gia súc của bà Nguyễn Thị T từ năm 2016, 2017, 2018 theo hình thức bà T giao hàng trước, sau khi kiểm đủ số lượng, chủng loại và giá tiền thì vợ chồng ông, bà sẽ ký nhận hàng và thỏa thuận bán gia súc sẽ thanh toán số tiền cám do bà T đầu tư cho bà T. Ông bà xác nhận số nợ tính đến ngày 08/5/2018 là 66.410.000 đồng. Đến ngày 26/5/2018 thì vợ chồng ông, bà có mua thêm của bà T 03 bao cám loại 1422, 02 bao cám loại, tổng số tiền là 1.210.000 đồng nhưng bà T hẹn đến chiều mới giao hàng, nên khi trả số tiền 35.000.000 đồng cho ông Lê Văn T (chồng bà T) thì ông P và ông T đã thỏa thuận cộng số tiền 1.210.000 đồng vào số tiền 35.000.000 đồng. Khi bà T giao hàng thì con trai ông, bà (anh Đinh Tuấn V) nhận thay. Đến ngày 13/6/2018 vợ chồng tiếp tục mua thêm 05 bao loại 1032, 05 bao cám loại 1442, tổng số tiền 3.800.000 đồng. Ngoài ra ông, bà không đồng ý trả cho bà T số tiền 1.825.000 đồng trong chứng từ mua bán ngày 03/02/2018 vì chữ ký, chữ viết tên “Xuân Phú” dưới mục người nhận không phải là của ông P.

HĐXX xét thấy, hai bên mua bán thức ăn gia súc diễn ra trong thời gian dài, việc giao và nhận hàng theo hình thức bà T giao cám cho vợ chồng ông P, sau khi kiểm tra đủ số lượng hàng mới ký xác nhận. Tính đến ngày 08/5/2018 sau khi tính toán số giao nhận hàng thì ông P, bà T còn nợ lại bà T số tiền 66.410.000 đồng và cũng không thể hiện số tiền 1.210.000 đồng do ông P, bà T mua 05 bao cám ngày 26/5/2018. Sau đó ông P có trả cho bà T (ông T là người nhận tiền) số tiền 35.000.000 đồng. Khi giao tiền cho ông T thì giữa ông T và ông P cũng không có thỏa thuận gì về việc đã cộng số tiền 1.210.000 đồng của ngày 26/5/2018 vào số tiền 35.000.000 đồng, đồng thời đối chiếu tất cả những chứng từ mua bán giữa hai bên do bà T giao nộp đều thể hiện: bên bán giao hàng, ghi cụ thể số lượng, chủng loại và số lượng tiền hàng, bên mua kiểm tra đủ số lượng, chủng loại và số tiền hàng thì mới ký xác nhận, căn cứ chứng từ mua bán ngày 26/5/2018 thì vợ chồng ông, bà có mua thêm của bà T 03 bao cám loại 1422; 02 bao cám loại 1052, tổng

số tiền là 1.210.000 đồng (do cháu V con trai ông P, bà T) ký nhận và số hàng này chỉ được ký nhận một lần, không có chứng cứ thể hiện ký nhận hai lần như lời ông P, bà T trình bày.

Như vậy việc ông P, bà T trình bày số tiền 1.210.000 đồng do mua 05 bao cám ngày 26/5/2018 đã được cộng vào số tiền 35.000.000 đồng khi ông P giao trả cho ông T là không có cơ sở.

Đối với chứng từ mua bán ngày 03/02/2018, số lượng 05 bao loại 8002 x 365.000 đồng/ bao = 1.825.000 đồng, ngày 28/3/2019 bà T đã có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.825.000 đồng nên cần đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.825.000 đồng.

Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận lời khai của ông P, bà T mà có cơ sở chấp nhận lời khai của bà T. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T là có cơ sở chấp nhận, cần buộc vợ chồng ông P thực hiện đúng theo thỏa thuận của hợp đồng, trả cho bà T số tiền 33.385.000 đồng.

[5] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án có cơ sở nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147, Điều 184; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 430; khoản 1 Điều 434; khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Đinh Xuân P, bà Cao Thị T phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền 33.385.000 đồng.

Áp dụng Điều 357 BLDS để tính lãi suất chậm thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu.

[2] Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.825.000 đồng của bà Nguyễn Thị Ty.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đinh Xuân P, bà Cao Thị T phải nộp 1.670.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 880.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2017/0010404 ngày 26/12/2018.

[4]. Quyền kháng cáo: Các bên đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quyết định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thu Trang